TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2019/QĐST-VDS
Ngày 22/10/2019
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Thư ký phiên họp: Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp: Ông Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-VDS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về Yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết Việc dân sự: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 91, phố V, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện: Ông Đặng Văn Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Đại diện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Vắng mặt.

3. Ông Nông Xuân H, sinh năm 1959. Địa chỉ Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ nơi đang chấp hành án phạt tù: Đội 15, K 1, phân trại số 4, trại giam N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản khai tại Tòa án bà Trần Thị Thanh H trình bày: Năm 2012 bà tìm hiểu và đăng ký kết hôn với ông Nông Xuân H, sinh năm 1959, quê quán tại thôn T, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 27/8/2012 đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn bà và ông Nông Xuân H sống chung với nhau một thời gian ngắn, bà phát hiện ông Nông Xuân H lừa dối là vợ cũ đã chết để làm thủ tục kết hôn với bà, nhưng thực tế ông Nông Xuân H đã có vợ là bà Hoàng Thị X có đăng ký kết hôn ngày 19/4/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T1 vẫn còn sống và chưa ly hôn, hiện trú tại thôn T, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Biết việc kết hôn với ông Nông Xuân H, người đang có vợ là vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà với ông Nông Xuân H. Về con chung: Giữa bà với ông Nông Xuân H có 01 người con chung là Nông Trang L, sinh ngày 21/9/2013, hiện nay đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông Nông Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung. Về Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2019 ông Nông Xuân H trình bày: Ông và bà Trần Thị Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng. Năm 2012 ông bị bà Trần Thị Thanh H lừa dối để đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, sau khi biết được ông đã phản đối, vì ông đang có vợ là Hoàng Thị X có đăng ký kết hôn trước đó ngày 19/4/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nay ông chưa ly hôn với bà Hoàng Thị X và đồng ý việc hủy kết hôn giữa ông với bà Trần Thị Thanh H. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do ông đang phải chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại công văn số: 105/UBND, ngày 09/9/2019 Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Ngày 23/8/2019 Ủy ban nhân dân xã T nhận được hồ sơ yêu cầu đăng ký kết hôn của ông Nông Xuân H với bà Trần Thị Thanh H, qua kiểm tra các tài liệu do các bên giao nộp, thấy đủ cơ sở pháp lý, nên ngày 27/8/2012 đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

Tại công văn số 453/UBND, ngày 10/10/2019 Ủy ban nhân dân xã T1 cho biết: Trong quá trình sinh sống tại địa phương, ông Nông Xuân H đã sống chung như vợ chồng với bà Hoàng Thị T và có 03 người con chung, nay Hoàng Thị T đã chết. Sau khi bà T chết ông Nông Xuân H chung sống với bà Hoàng Thị X, sinh năm 1962 và đăng ký kết hôn ngày 19/4/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T1, qua tra cứu sổ hộ tịch và các tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã, không có tài liệu nào thể hiện việc ông Nông Xuân H ly hôn với bà Hoàng Thị X.

Tại đơn ngày 21/10/2019 của bà Hoàng Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Nông Xuân H có đăng ký kết hôn ngày 19/4/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T1, quá trình sống chung vợ chồng có 01 người con chung, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc chưa ly hôn. Nay bà Trần Thị Thanh H yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị Thanh H với ông Nông Xuân H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp, phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án đã đúng với quy định của pháp luật và đề nghị căn cứ vào Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia

đình, các Điều 29; 366; 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh H về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và giải quyết về lệ phí việc dân sự bà Trần Thị Thanh H không phải chịu, đối với tài sản sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Về quá trình tiến hành tố tụng, bà Trần Thị Thanh H có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ, Ủy thác thu thập chứng cứ, Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã T1 đều đã có ý kiến trả lời về việc đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị Thanh H với ông Nông Xuân H, ông Nông Xuân H đã có lời khai và xin giải quyết vắng mặt, nên cần giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đánh giá chứng cứ: Theo các tài liệu chứng cứ do bà Trần Thị Thanh H cung cấp và Tòa án thu thập được thì thấy: Ông Nông Xuân H, sinh năm 1959 đã kết hôn với bà Hoàng Thị T, có 03 người con chung, bà Hoàng Thị T đã chết. Ngày 19/4/1991 ông Nông Xuân H đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị X tại Ủy ban nhân dân xã T1, sinh sống tại thôn T, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, giữa ông Nông Xuân H với bà Hoàng Thị X có 01 người con chung, hiện nay bà Hoàng Thị X chưa ly hôn với ông Nông Xuân H. Nhưng ngày 22/8/2012 Ủy ban nhân dân xã T1 đã xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông Nông Xuân H với nội dung vợ ông Nông Xuân H là bà Hoàng Thị X T (gộp cả tên của người vợ đã chết và người còn sống) để làm căn cứ đăng ký kết hôn với bà Trần Thị Thanh H là người đã được Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội giải quyết cho ly hôn với người chồng là ông Trần Việt L. Căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã T1 nêu trên, ngày 27/8/2012 Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội đã đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị Thanh H với ông Nông Xuân H theo quy định, thấy: Việc ông Nông Xuân H ở thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 27/8/2012 là người đang có vợ là bà Hoàng Thị X chưa ly hôn, được Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng thực tế để làm tài liệu lừa dối để kết hôn, dẫn đến việc đăng ký kết hôn của ủy ban nhân dân xã T đăng ký kết hôn thuộc trường hợp vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình. Về lỗi thuộc về người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã T1 giai đoạn năm 2012 trong việc xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng thực tế, ông Nông Xuân H là người đang có vợ đã sử dụng tài liệu không đúng thực tế để đăng ký kết hôn cũng có lỗi là lừa dối để kết hôn, về phía Ủy ban nhân dân xã T, không có lỗi trong việc đăng ký kết hôn. Về quan hệ hôn

nhân giữa bà Hoàng Thị X với ông Nông Xuân H vẫn đang tồn tại hợp pháp, việc bà Trần Thị Thanh H thấy bị lừa dối kết hôn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Do vậy, có đủ căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị Thanh H về yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do ông Nông Xuân H đang thi hành án phạt tù, nên giao người con chung là Nông Trang L, sinh ngày 21/9/2013 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tạo điều kiện cho ông Nông Xuân H thăm con chung không ai được cản trở, ông Nông Xuân H được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản theo lời khai của ông Nông Xuân H cho rằng bà Trần Thị Thanh H đang giữ tài sản riêng của mình, nhưng chưa có đơn yêu cầu giải quyết, nên sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Thanh H thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí, tại phiên họp bà Trần Thị Thanh H trình bày bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự tại biên lai số AA/2015/0000667, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, nay bà không lấy lại số tiền trên nữa và tự nguyện nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Trần Thị Thanh H, ông Nông Xuân H, bà Hoàng Thị X, Ủy ban nhân dân xã T1, Ủy ban nhân dân xã T có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị trong thời hạn luật định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 3 của Luật Hộ tịch; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40, khoản 2 Điều 149, khoản 1 Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy việc Đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa ông Nông Xuân H với bà Trần Thị Thanh H, số 72/2012, tại quyển số 01/2012, ngày 27/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội.

2. Về con chung: Giao người con chung là Nông Trang L, sinh ngày 21/9/2013 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Nông Xuân H được quyền thăm con chung không ai được cản trở, ông Nông Xuân H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Thanh H đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0000667 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Trần Thị Thanh H và Ủy ban nhân dân xã T1 có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ông Nông Xuân H, bà Hoàng Thị X, Ủy ban nhân dân xã T có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị

trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- UBND xã T1 để biết;
- UBND xã T nơi ĐKKH;
- Người yêu cầu;
- Ông H, bà X;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khởi